

*Hà Nội, ngày tháng năm 2019***Dự thảo 3**

01/7/2019

BÁO CÁO**Tổng kết 12 năm thi hành Luật Điện ảnh**

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Điện ảnh năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh năm 2009 (sau đây gọi là Luật Điện ảnh) của các Bộ, ngành, địa phương và kết quả khảo sát, nghiên cứu, đánh giá các vấn đề liên quan đến Luật này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Báo cáo tổng kết 12 năm thi hành Luật Điện ảnh với các nội dung chính sau đây:

- Công tác tổ chức thi hành Luật Điện ảnh.
- Một số kết quả cơ bản đã đạt được.
- Một số vấn đề bất cập, hạn chế trong tổ chức thi hành Luật Điện ảnh và nguyên nhân.
- Đề xuất xây dựng Đề án Luật Điện ảnh (sửa đổi).

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT ĐIỆN ẢNH**1. Xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Điện ảnh**

Điện ảnh là một ngành nghệ thuật tổng hợp có tác dụng định hướng giáo dục chính trị, tư tưởng và thẩm mỹ cho nhân dân. Cùng với các ngành nghệ thuật khác, điện ảnh đóng vai trò quan trọng góp phần xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam dân tộc, nhân văn và hiện đại, trở thành nền tảng tinh thần, mục tiêu và động lực của sự phát triển.

Ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 đã được Quốc hội Khóa XI thông qua, ngày 18 tháng 6 năm 2009 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 đã được Quốc hội Khóa XII thông qua.

Sau khi Luật Điện ảnh được ban hành và có hiệu lực, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành hệ thống các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật Điện ảnh để triển khai, thực hiện. Cụ thể:

- Chính phủ đã ban hành 10 Nghị định liên quan đến quản lý và hoạt động điện ảnh (Mục I, Phụ lục 1).

- Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược và Quy hoạch phát triển ngành điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (*Mục II, Phụ lục 1*).

- Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành 13 Thông tư và 03 Quyết định điều chỉnh các hoạt động chuyên ngành điện ảnh (*Mục III, Phụ lục 1*).

Về cơ bản hệ thống văn bản pháp quy nói trên đã được ban hành kịp thời và góp phần quan trọng đưa Luật Điện ảnh vào thực tiễn cuộc sống. Trong quá trình thi hành Luật, một số nội dung hướng dẫn thi hành tiếp tục được rà soát, sửa đổi, bổ sung một cách kịp thời, nhờ đó góp phần giúp cho Luật Điện ảnh được thực thi một cách hiệu quả và đầy đủ hơn. Hơn nữa, nội dung các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Điện ảnh đã phù hợp với các cam kết quốc tế và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, phù hợp với thực tiễn của hoạt động điện ảnh; hệ thống văn bản pháp quy đã tương đối hoàn chỉnh đảm bảo công tác quản lý và điều chỉnh được hầu hết các hoạt động điện ảnh, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào phát triển sự nghiệp điện ảnh dân tộc.

2. Tuyên truyền phổ biến Luật Điện ảnh và các văn bản hướng dẫn thi hành

Sau khi Luật Điện ảnh có hiệu lực thi hành, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉ đạo, triển khai thi hành Luật Điện ảnh và các văn bản hướng dẫn thi hành đến cán bộ, công chức thuộc diện quản lý, các cơ sở điện ảnh, doanh nghiệp điện ảnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan bằng nhiều hình thức như: đăng tải chi tiết, rộng rãi trên Website của Chính phủ, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Điện ảnh và của các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao; tổ chức các hội nghị chuyên đề phổ biến, quán triệt nội dung Luật Điện ảnh và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo để hướng dẫn các địa phương, các doanh nghiệp điện ảnh triển khai áp dụng văn bản một cách thống nhất, đầy đủ nhằm nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, các tổ chức xã hội và toàn dân về sự nghiệp phát triển điện ảnh dân tộc, góp phần thúc đẩy phát triển, tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực điện ảnh.

Tại các địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao cũng đã chủ động tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Điện ảnh và các văn bản hướng dẫn thi hành dưới nhiều hình thức tới các cơ quan, ban, ngành, tổ chức và cá nhân ở địa phương nhằm quán triệt nội dung cơ bản của Luật và các văn bản trên, từ đó nâng cao ý thức thực hiện các chính sách phát triển điện ảnh và các quy định của Luật Điện ảnh.

Đối với cộng đồng doanh nghiệp điện ảnh, cơ quan quản lý các cấp, các thành viên của Hội Điện ảnh Việt Nam, Hiệp hội Phát hành và Phổ biến phim Việt Nam cũng đã tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Điện ảnh, đăng tải thông tin về Luật Điện ảnh và các văn bản hướng dẫn thi hành trên các mạng thông tin, báo chí của Hội Điện ảnh Việt Nam và các Chi hội Điện ảnh ở các địa phương.

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ CƠ BẢN ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

1. Nhận thức về điện ảnh, ý thức chấp hành pháp luật về điện ảnh được nâng cao

Sau khi Luật Điện ảnh và các văn bản hướng dẫn được ban hành, phổ biến đồng bộ, toàn diện và sâu rộng, nhận thức về điện ảnh của đội ngũ cán bộ quản lý, doanh nghiệp điện ảnh, tổ chức, cá nhân liên quan và khán giả tham gia hoạt động điện ảnh được nâng cao, có kiến thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật là tiền đề cần thiết để triển khai có hiệu quả pháp luật về điện ảnh và thúc đẩy ngành điện ảnh phát triển trên phạm vi toàn quốc và tại từng địa phương.

Trước khi Luật Điện ảnh ra đời, điện ảnh chưa được quan tâm phù hợp với tình hình đổi mới, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nên chưa thu hút được các nguồn lực đầu tư phát triển. Sau khi Luật Điện ảnh và các văn bản hướng dẫn được ban hành, đã có những quy định nhấn mạnh tính chất kinh tế và văn hóa của ngành điện ảnh. Các quy định của pháp luật tạo điều kiện cho phát triển, mở rộng kinh doanh điện ảnh đã được quy định, hướng dẫn cụ thể hơn. Trên cơ sở các quy định pháp luật được vận dụng vào thực tiễn, hoạt động hợp tác quốc tế, hội nhập về điện ảnh được đẩy mạnh, thu hút các nguồn lực đầu tư và mở rộng thị trường. Các nguồn lực đầu tư trong nước vào lĩnh vực điện ảnh được tập trung, tăng cường.

Chỉ tính riêng từ năm 2007 đến nay, Chính phủ đã ban hành 08 Nghị định liên quan đến quản lý và hoạt động điện ảnh; Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 06 Quyết định liên quan đến điện ảnh, trong đó có Quyết định về Chiến lược phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quy hoạch phát triển ngành điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành 13 Thông tư và 03 Quyết định điều chỉnh các hoạt động chuyên ngành điện ảnh (*Phụ lục 1*). Điều này thể hiện nhận thức của xã hội về điện ảnh đã có sự chuyển biến mạnh mẽ sau khi Luật Điện ảnh được phổ biến và triển khai vào cuộc sống xã hội.

2. Một số chính sách phát triển điện ảnh đã bước đầu được thực hiện, mang lại một diện mạo mới cho điện ảnh Việt Nam

Một số nội dung trong chính sách của Nhà nước về phát triển điện ảnh quy định tại Điều 5 Luật Điện ảnh đã bước đầu được thực hiện. Cụ thể như sau:

- Chính sách khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh theo quy định của pháp luật; bảo đảm để các cơ sở điện ảnh được bình đẳng trong hoạt động (Khoản 2 Điều 5 Luật Điện ảnh) đã thu hút, khuyến khích được sự tham gia của tổ chức, cá nhân từ mọi thành phần kinh tế vào các lĩnh vực của hoạt động điện ảnh.

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm thông qua chương trình mục tiêu phát triển điện ảnh (Khoản 3 Điều 5 Luật Điện ảnh) đã tạo điều kiện để trang bị phương tiện vận chuyển máy chiếu phim, thiết bị lồng tiếng dân tộc cho các Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng của các địa phương, góp phần tích

cực và có hiệu quả trong việc thực hiện đường lối, chủ trương phát triển văn hóa của Đảng và Nhà nước trong cả nước, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, sinh hoạt văn hóa cộng đồng của nhân dân tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng miền trong cả nước. (Phụ lục 2).

Bên cạnh đó, năm 2017 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 5 năm 2017 phê duyệt Đề án “Chính sách đặc thù hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn”. Theo đó Đề án đang được triển khai cấp 68 bộ máy chiếu phim kỹ thuật số HD và 25 xe ô tô chuyên dùng lưu động cho 30 tỉnh thuộc diện đặc thù.

- Chính sách tài trợ cho việc sản xuất phim truyện về đề tài thiếu nhi, truyền thống lịch sử, dân tộc thiểu số; phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình (Khoản 4 Điều 5 Luật Điện ảnh) đã góp phần đẩy mạnh sản xuất phim, nâng cao chất lượng nghệ thuật và kỹ thuật đạt trình độ khu vực và thế giới.

- Chính sách tài trợ cho việc phổ biến phim phục vụ miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, nông thôn, thiếu nhi, lực lượng vũ trang nhân dân, phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, đối ngoại; tổ chức, tham gia Liên hoan Phim quốc gia, Liên hoan Phim quốc tế (khoản 5 Điều 5 Luật Điện ảnh) đã góp phần đáp ứng nhu cầu hưởng thụ tác phẩm điện ảnh của công chúng không chỉ đối với tác phẩm điện ảnh trong nước mà cả tác phẩm điện ảnh quốc tế. Các phim sản xuất ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, thu hút sự quan tâm của đông đảo khán giả và đã đạt giải cao tại các kỳ Liên hoan phim quốc gia và quốc tế, như: Phim “*Nhà Tiên tri*” hoàn thành với chất lượng nội dung và nghệ thuật tốt, được trao giải thưởng “Quay phim xuất sắc nhất” tại Liên hoan Phim Việt Nam lần thứ XIX; phim “*Mỹ nhân*” đã được chọn tham dự Chương trình phim Việt Nam tại Liên hoan phim Công chiếu Quốc tế lần đầu Philippines 2016; phim “*Cuộc đời của Yến*” đạt Giải thưởng Lớn - Grand Festival Prize tại Liên hoan Phim World Premier Philippines Film Festival tại Philippines; phim “*Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*” thành công cả về mặt nghệ thuật và hiệu quả kinh tế-xã hội, trở thành hiện tượng điện ảnh trong năm 2015, được trao giải thưởng Bông sen Vàng, Giải Đạo diễn xuất sắc nhất, Giải Phim hay nhất do khán giả bình chọn tại Liên hoan Phim Việt Nam lần thứ XIX.

3. Luật Điện ảnh đã tạo hành lang pháp lý, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia các hoạt động điện ảnh

Quy định tại Điều 13, Điều 14 Luật Điện ảnh (2006) và Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh (2009) đã tạo hành lang pháp lý cho thành phần kinh tế tư nhân thành lập doanh nghiệp sản xuất phim và đóng góp tích cực vào việc nâng cao sản lượng phim Việt Nam. Tính đến tháng 12 năm 2018, cả nước có khoảng gần 500 doanh nghiệp tư nhân có chức năng và được phép sản xuất phim, trong số đó có khoảng 15 doanh

ngành đầu tư thường xuyên và tích cực vào sản xuất phim điện ảnh, tạo ra 50% - 60% tổng sản lượng điện ảnh trong cả nước (*Phụ lục 3*).

4. Hoạt động sản xuất phim được đẩy mạnh và duy trì tốc độ tăng trưởng

- Các cơ sở điện ảnh tư nhân: tính đến hết năm 2018, có khoảng gần 500 cơ sở đăng ký doanh nghiệp sản xuất phim tư nhân nhưng thực tế chỉ có khoảng 10 đến 15 doanh nghiệp đang sản xuất phim chiếu rạp, số còn lại chủ yếu là sản xuất các chương trình truyền hình, quảng cáo.

- Nhờ có quy định thông thoáng tại Chương III của Luật Điện ảnh, số lượng phim Việt Nam trong ba năm trở lại đây đã đạt chỉ tiêu đề ra trong “Chiến lược phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” (*Phụ lục 4*).

Theo đó:

- Đến năm 2015: Sản xuất: 25 - 30 phim truyện/năm (trong đó 30% số phim đặt hàng hoặc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước); 12 - 24 phim/năm cho mỗi thể loại phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình (100% số phim đặt hàng sản xuất từ ngân sách nhà nước).

- Đến năm 2020: Sản xuất: 40 - 45 phim truyện/năm (trong đó 25% số phim đặt hàng hoặc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước); 36 - 48 phim/năm cho mỗi thể loại phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình (trong đó 85% số phim đặt hàng sản xuất từ ngân sách nhà nước).

5. Hoạt động phát hành, phổ biến phim đi vào nề nếp, đáp ứng được nhu cầu thưởng thức điện ảnh của nhân dân

Hoạt động phát hành, phổ biến phim được quy định tại Chương IV, Chương V Luật Điện ảnh, trong quá trình thực hiện đã đạt được kết quả sau:

- Công tác thẩm định, cấp Giấy phép phổ biến phim đã được thực hiện nghiêm túc theo quy định tại Điều 11 và các Điều trong Chương IV, Chương V của Luật Điện ảnh.

- Cả nước hiện có 05 cơ sở phát hành và phổ biến phim trong nước; 07 cơ sở phát hành và phổ biến phim có vốn nước ngoài thường xuyên tham gia hoạt động phát hành phim. (*Phụ lục 5*).

- Tính đến tháng 12 năm 2018, cả nước có 180 rạp/cụm rạp với số lượng phòng chiếu phim trong cả nước khoảng 930 phòng chiếu, số lượng ghế ngồi khoảng 130.000 ghế, vượt chỉ tiêu ghi trong “Chiến lược phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” 35% (theo Chiến lược phát triển điện ảnh, đến năm 2015 số phòng chiếu phim đạt 250 phòng chiếu, đến năm 2020 số phòng chiếu phim đạt 550 phòng chiếu). Việc đầu tư máy chiếu phim công nghệ kỹ thuật số hiện đại của các phòng chiếu thuộc thành phần kinh tế nhà nước chiếm khoảng 38%, các phòng chiếu thuộc thành phần kinh tế tư nhân là 100%.

- Theo thống kê của Cục Điện ảnh, số lượng phim nhập khẩu có xu hướng ngày càng tăng do khi ký kết Hiệp định thương mại của WTO, Việt Nam đã cam kết không quy định hạn ngạch nhập khẩu phim. (*Phụ lục 6*).

- Do số lượng phim nhập khẩu nước ngoài và số lượng phim Việt Nam sản xuất tăng, số lượng phim không cho phép phổ biến cũng có xu hướng tăng. Từ 2007 đến năm 2018, đã có 233 phim không được phép phổ biến. (*Phụ lục 7*).

- Công tác chiếu phim ở các địa phương chủ yếu vẫn là hoạt động chiếu phim lưu động. Đến tháng 12 năm 2018, cả nước có 265 đội chiếu phim lưu động, trung bình hàng năm các đội chiếu phim lưu động ở các địa phương đã phục vụ được khoảng 43.270 buổi chiếu với khoảng 9.020.000 lượt người xem. Mặc dù hoạt động của các Đội chiếu phim vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn do: trang thiết bị kỹ thuật máy chiếu còn lạc hậu (toàn bộ là máy chiếu phim 35mm và video), phương tiện vận chuyển thiếu và cũ (mới chỉ có khoảng 30% số Đội chiếu phim lưu động được trang bị xe ô tô chiếu phim lưu động), kinh phí cấp cho từng buổi chiếu phim còn thấp, biên chế hạn hẹp và ít được đào tạo, thiếu nguồn phim, nhiều Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng tĩnh bị sáp nhập vào Trung tâm Văn hóa tỉnh nhưng mạng lưới Đội chiếu phim lưu động đã hoạt động rất hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu thưởng thức văn hóa của nhân dân tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh thực hiện nhiệm vụ chính là đưa các tác phẩm điện ảnh phục vụ khán giả, các Đội chiếu phim lưu động còn kết hợp với các cơ quan truyền thông của địa phương tuyên truyền chủ chương chính sách của Đảng và Nhà nước, phổ biến và hướng dẫn nhân dân làm kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa, góp phần bảo vệ an ninh chính trị và giữ vững chủ quyền quốc gia của Tổ quốc (*Xem Phụ lục 8*).

6. Việc tổ chức, tham gia liên hoan phim, hội chợ phim thực hiện có hiệu quả, tính chuyên nghiệp ngày càng được nâng cao

Việc Tổ chức, tham gia liên hoan phim, hội chợ phim được quy định tại Điều 41 Luật Điện ảnh. Trong quá trình triển khai thực hiện đã đạt được một số kết quả chủ yếu sau đây:

- Tổ chức thành công Liên hoan Phim quốc tế tại Hà Nội (2010, 2012, 2014, 2016, 2018).

- Tổ chức thành công 20 kỳ Liên hoan Phim Việt Nam.

- Tham gia 148 Liên hoan Phim quốc tế với 330 lượt đầu phim.

- Tổ chức 48 chương trình giới thiệu phim Việt Nam ra nước ngoài, với 186 lượt đầu phim.

- Cử 184 đoàn ra nước ngoài dự Liên hoan Phim, tuần phim, nghiên cứu, học tập, khảo sát, thực tập nâng cao tay nghề với 659 lượt người.

Thống kê sơ bộ số lượng Liên hoan Phim quốc tế, khu vực, quốc gia có sự tham dự của phim Việt Nam giai đoạn 2014 - 2018 như sau:

Năm	Liên hoan phim quốc tế và khu vực			Liên hoan Phim Việt Nam		
	Số liên hoan phim	Số phim Việt Nam tham gia	Số giải thưởng	Số liên hoan phim	Số phim Việt Nam tham gia	Số giải thưởng
2014	12	45	8	0	0	0
2015	9	15	4	01	125	54
2016	8	43	2	0	0	0
2017	9	16	5	01	129	46
2018	11	42	7	0	0	0

- Từ năm 2007 - 2018, đã có hơn gần 280 dự án làm phim hợp tác, cung cấp dịch vụ và phim có yếu tố nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam. Tuy nhiên đa số là các dự án phim tài liệu, phim ngắn và phim có ngân sách thấp hoặc thời gian thực hiện tại Việt Nam ngắn (*Phụ lục 9*).

- Công tác hoạt động hợp tác, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực điện ảnh đã có nhiều khởi sắc, thể hiện qua các Tuần phim, Liên hoan Phim Việt Nam ở nước ngoài, các sự kiện điện ảnh quốc tế, kết hợp đẩy mạnh quảng bá du lịch và điện ảnh, nét đẹp về văn hóa, con người Việt Nam ra quốc tế, như: Tuần phim Việt Nam tại các nước châu Âu; Liên hoan phim Quốc tế Berlin, Liên hoan phim Quốc tế Hong Kong, Liên hoan phim Quốc tế Tokyo, Liên hoan Phim Quốc tế Cannes,...

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ BẤT CẬP, HẠN CHẾ TRONG TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT ĐIỆN ẢNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Sau 12 năm triển khai và thi hành Luật Điện ảnh, hoạt động điện ảnh trong cả nước đã có những bước phát triển rõ rệt về cơ cấu tổ chức, đội ngũ và cơ sở vật chất, từ đó làm nên những tác phẩm có giá trị, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam trở thành nền tảng tinh thần, mục tiêu và động lực của sự phát triển của đất nước. Hoạt động điện ảnh đã góp phần tích cực trong định hướng giáo dục chính trị, tư tưởng và thẩm mỹ, đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân. Các quy định của Luật Điện ảnh đã phát huy đồng bộ tính sáng tạo nghệ thuật kết hợp với công nghệ và tính thương mại trong chu trình sản xuất, phát hành và phổ biến tác phẩm điện ảnh. Luật Điện ảnh đồng thời đã huy động được nguồn lực xã hội hóa trong các hoạt động điện ảnh, tăng cường hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nâng cao vị thế của điện ảnh Việt Nam trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thi hành Luật Điện ảnh còn một số khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thể chế và thực tiễn

đòi hỏi cần được nghiên cứu, đánh giá để đề xuất xây dựng Luật Điện ảnh (sửa đổi) nhằm tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thuận lợi cho hoạt động điện ảnh, đáp ứng yêu cầu phù hợp với hệ thống pháp luật của Việt Nam và các cam kết quốc tế của Việt Nam.

1. Một số vấn đề bất cập, hạn chế trong tổ chức thi hành Luật Điện ảnh

Thực tiễn thi hành Luật Điện ảnh trong 12 năm qua cho thấy một số quy định của Luật Điện ảnh còn tồn tại, hạn chế, một số quy định chưa phù hợp với điều kiện thực tế phát triển, dẫn đến việc thực thi các quy định của Luật Điện ảnh gặp nhiều khó khăn, cụ thể:

Một là, các quy định của Luật Điện ảnh chưa thể hiện đầy đủ tính chất đặc thù của hoạt động điện ảnh (ví dụ như quy định về đấu thầu sản xuất phim có sử dụng ngân sách Nhà nước tại Điều 24 Luật Điện ảnh). Bởi vì, phim là một tác phẩm nghệ thuật gắn với quyền tác giả từ khâu sáng tác kịch bản đến tổ chức sản xuất. Dự án sản xuất phim bao gồm hai thành tố liên quan chặt chẽ, phối hợp triển khai thống nhất, xuyên suốt từ đầu đến cuối, đó là “Kịch bản” được Hội đồng thẩm định kịch bản tuyển chọn và “Phương án sản xuất” do cơ sở sản xuất xây dựng. Trên thực tế, chủ đầu tư không phải là chủ sở hữu kịch bản, mà chủ sở hữu kịch bản là cơ sở sản xuất phim. Thông thường các cơ sở sản xuất phim đầu tư cho nhà biên kịch, sau đó trình Hội đồng thẩm định kịch bản tuyển chọn. Theo đó, chủ đầu tư không có đủ cơ sở để tổ chức đấu thầu lựa chọn cơ sở sản xuất thực hiện dự án sản xuất phim. Vì vậy, mặc dù Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hoàn thành dự thảo thứ 8 của Thông tư hướng dẫn đấu thầu sản xuất phim có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng vẫn không khả thi. Để giải quyết bất cập nói trên, ngày 08 tháng 4 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 của Luật Đấu thầu. Theo đó, tại khoản 16 Điều 3 Quyết định quy định gói thầu hợp tác, sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị được giao nằm trong “Danh mục các gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt” và tại khoản 4 Điều 4 Quyết định cũng quy định quy trình chọn nhà thầu đối với gói thầu nêu tại khoản 16 Điều 3 Quyết định.

Hai là, các quy định của Luật Điện ảnh chưa theo kịp những tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất, phát hành và phổ biến phim. Trong khi thế giới, công nghiệp điện ảnh đã chuyển đổi hoàn toàn sang công nghệ số hóa thì một quy định của Luật Điện ảnh vẫn đang điều chỉnh việc sản xuất, phát hành và phổ biến phim theo công nghệ 35mm hoặc video (Betacam hoặc VHS), dẫn đến trong thực tiễn chưa phân biệt rõ ràng sản phẩm nghe nhìn nào được xem là một tác phẩm điện ảnh hoặc không phải là tác phẩm điện ảnh, chưa phân định rõ trách nhiệm quản lý việc phát hành và phổ biến phim trong môi trường số hóa, trên internet, phổ biến phim online và các phương tiện truyền thông khác (quy định tại Khoản 3 Điều 4 Luật Điện ảnh).

Ba là, một số chính sách của Nhà nước về phát triển điện ảnh quy định tại Điều 5 Luật Điện ảnh chưa có tính khả thi cao, chưa được thực thi nghiêm túc, như chính sách ưu đãi về thuế đối với các hoạt động điện ảnh, chính sách đặc thù đối với các Đội chiếu phim lưu động; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhân lực về chuyên môn nghiệp vụ và quản lý hoạt động điện ảnh (quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật Điện ảnh); chính sách tài trợ cho việc phổ biến phim phục vụ miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, thiếu nhi, phục vụ nhiệm vụ chính trị (quy định tại khoản 5 Điều 5 Luật Điện ảnh) trên thực tế chưa được thực hiện triệt để do chưa có nguồn kinh phí; chính sách về giành quỹ đất xây dựng rạp chiếu phim trong quá trình quy hoạch đô thị (quy định tại Khoản 6 Điều 5 Luật Điện ảnh) chưa được thực hiện, trong khi đó nhiều rạp chiếu phim của các cơ sở điện ảnh tại các địa phương bị sáp nhập hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng.

Bốn là, việc soạn thảo đề án xây dựng Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh (quy định tại Điều 6 Luật Điện ảnh) để hỗ trợ phát triển điện ảnh dân tộc đã được tiến hành từ năm 2010. Mục tiêu của Quỹ nhằm duy trì và phát triển công nghiệp điện ảnh, quảng bá hình ảnh đất nước, con người, bản sắc văn hóa dân tộc ra thế giới, đồng thời vừa phát huy tính đa dạng văn hóa, vừa bảo vệ và gìn giữ những nét đặc trưng văn hóa riêng của từng quốc gia. Trong quá trình xây dựng đề án, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hai lần trình Thủ tướng. Tuy nhiên, cho đến nay, Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh vẫn chưa được thành lập, lý do chính là chưa xác định nguồn thu ổn định để đảm bảo hoạt động của Quỹ.

Năm là, Luật Điện ảnh chưa quy định cơ chế, chính sách cụ thể nhằm thu hút đầu tư, ưu đãi (incentive). Luật Điện ảnh quy định về việc khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh theo quy định của pháp luật, tuy nhiên chưa có những văn bản hướng dẫn hay chính sách cụ thể, cơ chế nhằm ưu đãi, thu hút đầu tư vào lĩnh vực điện ảnh. Đơn cử như việc áp thuế nói chung và thuế đất nói riêng cũng gây khó khăn cho các doanh nghiệp điện ảnh, đặc biệt là các doanh nghiệp mới cổ phần hóa. Doanh nghiệp điện ảnh không có lợi thế về kinh doanh như các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa khác, do vậy áp mức thuế chung là thiếu công bằng đối với doanh nghiệp điện ảnh. Sự thiếu bình đẳng, bất cập trong việc áp dụng chính sách đầu tư phát triển điện ảnh Việt Nam giữa các đơn vị nhà nước và tư nhân là vấn đề “nóng” trong nhiều năm qua. Vì vậy việc đầu tư cho sản xuất phim, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng điện ảnh còn gặp nhiều khó khăn.

Sáu là, một số quy định của Luật Điện ảnh chưa tương thích hoặc chồng chéo với các luật mới được ban hành như: quy định về “*Bảo hộ quyền tác giả, quyền sở hữu tác phẩm*” (quy định tại Điều 7 Luật Điện ảnh) đã được điều chỉnh tại Bộ luật Dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ; quy định về “*Khiếu nại, tố cáo trong hoạt động điện ảnh*” (quy định tại Điều 7 Luật Điện ảnh) đã được điều chỉnh tại Luật Khiếu nại (2011) và Luật Tố cáo (2011); quy định về “*doanh nghiệp điện ảnh*” (quy định tại Chương II và Chương III của Luật Điện ảnh) chưa tương thích với các quy định của Luật Doanh nghiệp (2014) và Luật Đầu tư (2014).

Bấy là, Luật Điện ảnh chưa quy định chặt chẽ cơ chế phối hợp giữa ngành điện ảnh với các ngành khác như truyền hình, du lịch, tài chính, thông tin truyền thông nên trong quá trình thực thi còn gặp khó khăn lúng túng trong quản lý, chưa phát huy được thế mạnh của điện ảnh và chưa tận dụng được thế mạnh của các ngành khác trong quá trình phát triển điện ảnh.

Tám là, so với hệ thống pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, một số hành vi vi phạm về phát hành phim, nhân bản và tàng trữ phim,... quy định tại Luật Điện ảnh cũng không còn phù hợp với tình hình thực tiễn, mức xử phạt còn thấp, chưa bảo đảm tính răn đe.

Chín là, mô hình tổ chức đối với đơn vị điện ảnh do Nhà nước quản lý đã có sự biến động, cơ chế chính sách thay đổi khiến các nhà hoạt động làm công tác điện ảnh chưa thích ứng ngay được với môi trường mới, vì vậy công tác sản xuất phim và phổ biến phim của các đơn vị này gặp nhiều khó khăn. Mô hình tổ chức đơn vị điện ảnh do Nhà nước quản lý:

- Tại trung ương:

+ Các đơn vị sản xuất phim của Nhà nước (*Hãng phim Truyền Việt Nam, Hãng phim Giải Phóng, Hãng phim Truyền I, Hãng phim Hoạt hình*) đã chuyển đổi sang mô hình hoạt động là Công ty Cổ phần. Riêng Hãng phim Tài liệu và Khoa học Trung ương chuyển thành Công ty TNHH MTV Hãng phim Tài liệu và Khoa học Trung ương.

+ Các đơn vị sự nghiệp (Viện, Trung tâm): có đề án sáp nhập. Tuy nhiên có một số đơn vị đã thực hiện cơ chế tự chủ một phần và tự chủ toàn bộ kinh phí hoạt động.

- Tại địa phương:

Các đơn vị sự nghiệp (Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng) đã và đang thay đổi mô hình tổ chức. Tính đến ngày 31/12/2018, một số đã chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và một số đơn vị đã sáp nhập với đơn vị sự nghiệp khác.

+ Số lượng đơn vị đã chuyển sang cổ phần hóa: 03.

+ Số lượng đơn vị đã sáp nhập với đơn vị khác: 19.

2. Nguyên nhân của những quy định chưa phù hợp của Luật Điện ảnh hiện hành

Những quy định chưa phù hợp của Luật Điện ảnh hiện hành xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có thể kể đến những nguyên nhân chủ yếu như sau:

a) Nguyên nhân khách quan

- Trong 12 năm qua, song song với việc triển khai thi hành Luật Điện ảnh, có nhiều văn bản quy phạm pháp luật được ban hành tác động đến Luật Điện ảnh, đó là Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Luật Doanh nghiệp (2014), Luật Đầu tư (2014), Bộ luật Dân sự (2015), Luật Ngân

sách nhà nước (2015),... Bên cạnh đó, nhiều cam kết quốc tế giữa Việt Nam với các nước và tổ chức quốc tế được ký kết và hiệu lực thi hành như Hiệp định thương mại WTO và các Hiệp định thương mại tự do FTA. Vì vậy, một số quy định của Luật Điện ảnh hoặc chồng chéo, chưa phù hợp hoặc không tương thích với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan nói trên.

- Sự phát triển của khoa học và công nghệ trong sản xuất, phát hành và phổ biến phim trên thế giới đã có những bước phát triển nhanh chóng và vượt bậc, làm thay đổi một số khái niệm, tư duy sáng tác, tư duy đầu tư trong điện ảnh. Vì vậy, một số quy định của Luật Điện ảnh, tại thời điểm hiện tại, đã trở nên lỗi thời hoặc chưa theo kịp với trình độ phát triển của khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Trong quá trình xây dựng Luật Điện ảnh hiện hành, tính đặc thù của hoạt động điện ảnh chưa được nhìn nhận đầy đủ. Một số quy định của Luật còn cứng nhắc, thiếu tính khả thi (ví dụ như quy định về đặt hàng sản xuất phim có sử dụng ngân sách nhà nước phải thông qua các hình thức đấu thầu).

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tính đặc thù của điện ảnh trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, quảng bá hình ảnh đất nước, tinh hoa văn hóa dân tộc, giáo dục thẩm mỹ và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân nên chưa quan tâm, chỉ đạo, theo dõi sát sao để tổ chức thi hành các quy định của Luật Điện ảnh cũng như Chiến lược và Quy hoạch phát triển điện ảnh.

IV. ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG LUẬT ĐIỆN ẢNH (SỬA ĐỔI)

Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được và những tồn tại, bất cập trong quá trình thi hành Luật Điện ảnh, kết hợp với ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự Hội nghị Tổng kết 10 năm thi hành Luật Điện ảnh, nhằm tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thuận lợi cho hoạt động điện ảnh, đáp ứng yêu cầu phù hợp với hệ thống pháp luật của Việt Nam và các cam kết quốc tế của Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất xây dựng Luật Điện ảnh (sửa đổi) với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Sửa đổi, bổ sung giải thích từ ngữ (*Điều 4 Luật Điện ảnh*).
2. Bổ sung quy định về nguồn và cơ quan quản lý Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh (*Điều 6 Luật Điện ảnh*).
3. Sửa đổi, bổ sung quy định về chính sách thu hút đầu tư và phát triển điện ảnh (*khoản 2, 3, 5, 6 Điều 5 Luật Điện ảnh*).
4. Sửa đổi, loại bỏ một số quy định về điều kiện sản xuất phim (thành lập doanh nghiệp điện ảnh và thành lập văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh Việt Nam tại nước ngoài (*Điều 13, 14, 19 Luật Điện ảnh*)).

5. Sửa đổi quy định về sản xuất phim đặt hàng (*quy định tại Điều 24 Luật Điện ảnh*).

6. Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý phát hành và phổ biến phim (*Điều 30, 33, 36, 38 Luật Điện ảnh, khoản 12 Điều 1 Luật bổ sung, sửa đổi một số điều của Luật Điện ảnh*).

7. Sửa đổi, bổ sung quy định về quảng bá điện ảnh và tổ chức liên hoan phim (*Điều 41, Điều 42 Luật Điện ảnh*).

8. Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Điều 45, Điều 46 Luật Điện ảnh về lưu chiếu, lưu trữ phim phù hợp với công nghệ sản xuất, phổ biến phim bằng công nghệ kỹ thuật số.

9. Loại bỏ những quy định chồng chéo hoặc không tương thích với các Luật khác như: Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Khiếu nại (2011), Luật Tố cáo (2011), Luật Doanh nghiệp (2014) và Luật Đầu tư (2014).

Trong 12 năm qua, tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế có nhiều thay đổi tác động đến việc thực hiện Luật Điện ảnh. Việt Nam đã có nhiều thay đổi với nhiều cam kết quốc tế; sự phát triển của khoa học, công nghệ điện ảnh trên thế giới tác động mạnh mẽ đến tư duy, xu hướng phát triển của công nghiệp điện ảnh. Ở trong nước, tác động từ những thay đổi trong quan hệ kinh tế-xã hội, các quy định mới trong các bộ luật có liên quan đến lĩnh vực điện ảnh đã dẫn đến việc thực hiện Luật Điện ảnh gặp nhiều khó khăn, một số quy định chưa phù hợp với điều kiện thực tế. Vì vậy việc tổng kết, đánh giá và đề xuất xây dựng Luật Điện ảnh (sửa đổi) trong thời điểm này trở thành một nhiệm vụ khách quan có tính bức thiết; nhằm định hướng xây dựng; thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp điện ảnh dân tộc, nhân văn, hiện đại; đồng thời tạo dựng các hành lang pháp lý phù hợp để tăng cường hiệu quả quản lý các hoạt động điện ảnh trên cả nước trong thời gian tới./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (*để báo cáo*);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (*để báo cáo*);
- Văn phòng Chính phủ (*để báo cáo*);
- Bộ trưởng Bộ Tư pháp (*để báo cáo*);
- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (*để báo cáo*);
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (*để báo cáo*);
- Bộ trưởng Bộ VHTTDL;
- Thứ trưởng Tạ Quang Đông;
- Lưu: VT, ĐA.15.

Nguyễn Ngọc Thiện

Phụ lục 1
THỐNG KÊ
CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT ĐIỆN ẢNH

A. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

1. Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12.

2. Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

3. Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan.

4. Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

5. Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

6. Nghị định số 90/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật.

7. Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật khác.

8. Nghị định 28/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

9. Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

10. Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

B. QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. Quyết định số 125/2007/QĐ-TTg ngày 31/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2006 -2010.

2. Quyết định số 2156/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

3. Quyết định số 199/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.

4. Quyết định 586/QĐ-TTg ngày 06/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Chính sách đặc thù hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến phim tới vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn".

5. Quyết định số 1992/QĐ-TTg ngày 11/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch.

6. Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu.

C. THÔNG TƯ, QUYẾT ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG ĐIỆN ẢNH DO BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH BAN HÀNH

I. Thông tư

1. Thông tư số 08/2010/TT-BVHTTDL ngày 18/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định phim của Đài truyền hình, Đài phát thanh-truyền hình.

2. Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh.

3. Thông tư 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định 32/2012/NĐ-CP về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

4. Thông tư số 16/2013/TT-BVHTTDL ngày 25/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rạp chiếu phim”.

5. Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc quản lý đối với hoạt động phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim.

6. Thông tư 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa

quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL ngày 23/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định hoạt động của Đội chiếu phim lưu động thuộc Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng hoặc Trung tâm Điện ảnh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

8. Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Nghệ thuật biểu diễn và Điện ảnh.

9. Thông tư số 12/2015/TT-BVHTTDL ngày 11/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thẩm định và cấp Giấy phép phổ biến phim ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim, trong đó kèm theo Phụ lục phân loại phim để phổ biến theo lứa tuổi.

10. Thông tư số 15/2016/TT-BVHTTDL ngày 27/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định kịch bản văn học đối với phim sử dụng ngân sách nhà nước.

11. Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

12. Thông tư số 24/2018/TT-BVHTTDL ngày 23/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định mã số hàng hóa theo danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

13. Thông tư số 25/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc hạn chế hình ảnh diễn viên sử dụng thuốc lá trong tác phẩm sân khấu, điện ảnh.

II. Quyết định

1. Quyết định số 49/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim.

2. Quyết định số 2949/QĐ-BVHTTDL ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành

và thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực điện ảnh thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Quyết định số 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(Nguồn: Thống kê của Cục Điện ảnh, năm 2018)

Phụ lục 2
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ VĂN HÓA
Mục tiêu phát triển điện ảnh, khu vực phổ biến phim giai đoạn 2006-2010

Đơn vị: chiếc

	Máy chiếu phim 35mm âm thanh lập thể	Máy chiếu phim 35mm lưu động	Máy chiếu video 300 inches	Máy chiếu video 100 inches	Thiết bị lồng tiếng dân tộc	Ô tô chuyên dụng chiếu bóng lưu động
2006-2010	19	95	35	187	15	45

(Nguồn: Thống kê của Cục Điện ảnh, năm 2010)

Phụ lục 3
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH SẢN XUẤT PHIM

Đơn vị: Giấy chứng nhận

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Số Giấy chứng nhận	01	21	41	65	53	58	54	43	50	46	35	33

(Nguồn: Thống kê của Cục Điện ảnh, năm 2018)

Phụ lục 4
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG PHIM ĐƯỢC SẢN XUẤT 2007- 2018

Đơn vị: phim

NĂM	PHIM TRUYỆN							PHIM TÀI LIỆU, KHOA HỌC						PHIM HOẠT HÌNH		
	Phim 35mm và phim KTS			Video			Phim ngắn	Phim 35mm			Video và phim KTS			Phim video và phim KTS		
	TS	NN	TN	TN	NN	TN		TS	NN	TN	TS	NN	TN	TS	NN	TN
2007	17	11	06	23	17	06		09	09	0	45	41	04	13	13	0
2008	10	03	07	16	11	05		04	04	0	25	25	0	07	07	0
2009	08	04	04	19	15	04		12	12	0	27	24	03	08	08	0
2010	17	05	12	23	12	11		07	07	0	35	25	10	09	09	0
2011	17	02	15	23	09	14		09	09	0	22	18	04	04	04	0
2012	16	02	14	13	04	09		07	07	0	12	12	0	11	11	0
2013	23	02	21	08	0	0		09	09	0	28	20	08	16	16	0
2014	25	02	23	15	06	09	54	10	10	0	43	26	17	16	16	0
2015	41	07	34	10	01	09	07	03	03	0	43	35	08	15	15	0
2016	42	0	42	17	04	13	21	06	06	0	27	16	11	15	15	0
2017	38	0	38	08	02	06	24	07	07	0	36	30	06	14	14	0
2018	37	0	37	16	03	13	32	05	05	0	28	28	0	14	14	0

(Nguồn: Thống kê của Cục Điện ảnh, năm 2018.

Chữ viết tắt: TS: Tổng số; NN: Nhà nước; TN: Tư nhân; KTS: phim kỹ thuật số)

Phụ lục 5

CÁC CƠ SỞ NHẬP KHẨU VÀ PHÁT HÀNH PHIM

1. Cơ sở phát hành và nhập khẩu phim trong nước

- Công ty cổ phần Điện ảnh Sài Gòn;
- Công ty TNHH A Company Việt Nam;
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và phát hành phim Việt Nam (Fafilm Việt Nam);
- Công ty TNHH Green Media;
- Công ty TNHH Giải trí - Truyền thông Phương Nam.

2. Cơ sở nhập khẩu và phát hành phim có vốn nước ngoài tại Việt Nam

- Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam;
- Công ty TNHH Lotte Cinema;
- Công ty TNHH Truyền thông Bạch Kim M.V.P;
- Công ty TNHH Giải trí CJ HK;
- Công ty cổ phần Thiên Ngân (Galaxy);
- Công ty TNHH Bình Hạnh Đan (BHD);
- Công ty Cổ phần Beta Media.

(Nguồn: Thống kê của Cục Điện ảnh, năm 2018)

Phụ lục 6
THỐNG KÊ PHIM NHẬP KHẨU 2007-2018

Đơn vị: phim

Năm	Tổng số	FAFIM Việt Nam	Các thành phần kinh tế khác
2007	105	2	103
2008	108	3	105
2009	98	0	98
2010	108	0	108
2011	106	0	106
2012	127	0	127
2013	173	0	173
2014	170	0	170
2015	199	0	199
2016	203	0	203
2017	248	0	248
2018	234	0	234

(Nguồn: Thống kê của Cục Điện ảnh, năm 2018)

Phụ lục 7
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG PHIM KHÔNG
CHO PHÉP PHỔ BIẾN 2007 - 2018

Đơn vị: phim

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Số phim	4	7	14	22	13	15	17	20	31	27	25	28

(Nguồn: Thống kê của Cục Điện ảnh, năm 2018)

Phụ lục 8

THỐNG KÊ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI CHIẾU PHIM LƯU ĐỘNG

Năm	Tổng số Đội	Số buổi chiếu	Số lượt người xem
2011	325	53.234	12.500.000
2012	306	51.138	12.017.000
2013	294	50.592	11.724.000
2014	290	50.112	11.620.000
2015	277	47.741	10.800.000
2016	276	47.210	9.910.692
2017	271	45.350	9.073.000
2018	265	43.270	9.020.000

(Nguồn: Thống kê của Cục Điện ảnh, năm 2018)

Phụ lục 9

THỐNG KÊ DỰ ÁN CÙNG CẤP DỊCH VỤ, HỢP TÁC LÀM PHIM VỚI NƯỚC NGOÀI

Đơn vị: dự án

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Số dự án	21	15	15	19	22	25	24	22	27	37	22	28

(Nguồn: Thống kê của Cục Điện ảnh, năm 2018)